TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 01/2021/LĐ-PT
Ngày : 05/4/2021
V/v Tranh chấp về xử lý kỷ luật lao động theo hình thức sa thải; Bồi thường thiệt hại, trợ cấp khi chấm dứt hợp đồng lao động; Về bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội, về bảo hiểm y tế theo quy định của pháp luật về bảo hiểm y tế.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hồng

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hoàng Thám

Ông Trương Văn Hai

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Yến Phương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa***:*** Bà Lương Thúy Hạnh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 tháng 4 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số 01/2020/TLPT-LĐ ngày 06 tháng 11 năm 2020 về tranh chấp *"Tranh chấp về xử lý kỷ luật lao động theo hình thức sa thải; Bồi thường thiệt hại, trợ cấp khi chấm dứt hợp đồng lao động; Về bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội, về bảo hiểm y tế theo quy định của pháp luật về bảo hiểm y tế"*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 06/2020/DS-ST ngày 09 tháng 9 năm 2020 của Toà án nhân dân thành phố L., tỉnh An Giang bị kháng nghị và bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 01/2020/QĐ-PT ngày 11/12/2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2021/QĐ-PT ngày 27/01/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2021/QĐ-PT ngày 26/02/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2021/QĐ-PT ngày 12/3/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Ông Nguyễn Thành P., sinh năm 1990 (Vắng mặt)

Nơi cư trú: Số 31D1 Trường Chinh, phường M., thành phố L., tỉnh An Giang.

1.2. Bà Lê Đoàn Thu T., sinh năm 1989 (Có mặt)

Nơi cư trú: Số 636 đường Hà Hoàng Hổ, phường M., thành phố L., tỉnh An Giang

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Thành P. và bà Lê Đoàn Thu T.:

- Bà Hà Bích T1, sinh năm 1991. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 10, ấp B1., xã B., huyện C., tỉnh An Giang. Địa chỉ liên hệ: số 60/5B đường Bùi Văn Danh, phường M., thành phố L., tỉnh An Giang theo Giấy ủy quyền ngày 08/10/2019 (Vắng mặt).

- Ông Phan Hòa N., sinh năm 1987. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khóm Đ., phường M1, thành phố L., tỉnh An Giang. Địa chỉ liên hệ: số 60/5B đường Bùi Văn Danh, phường M., thành phố L., tỉnh An Giang theo Giấy ủy quyền ngày 14/5/2020 (Có mặt).

2. Bị đơn: Công ty Đấu giá Hợp danh D.

Người đại diện theo pháp luật: Ông D1 - Tổng Giám đốc

Trụ sở: Số 98 đường Trần Nguyên Đán, phường Đ., thành phố L., tỉnh An Giang (Có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bảo hiểm xã hội tỉnh An Giang

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đặng Hồng T2 - Giám đốc.

Trụ sở: Số 11 đường Lê Triệu Kiết, phường M2, thành phố L., tỉnh An Giang (Có văn bản xin vắng mặt ngày 26/01/2021).

4. Người kháng cáo:

- Nguyên đơn ông Nguyễn Thành P. và bà Lê Đoàn Thu T..

- Bị đơn Công ty Đấu giá Hợp danh D.

5. Kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố L..

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu kèm theo và quá trình tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Phan Hòa Nhựt trình bày:

Vợ chồng ông Nguyễn Thành P., bà Lê Đoàn Thu T. là nhân viên của Công ty Đấu giá Hợp danh D. (theo Hợp đồng lao động không xác định thời hạn). Ngày 14/7/2019, ông P., bà T. có xảy ra cự cãi cá nhân với bà Lê Thị Kim H. - Phó Giám đốc công ty. Ngay hôm đó, ông bà bị ông D1 - Tổng Giám đốc đuổi việc mà không có lý do chính đáng và cũng không báo trước 45 ngày.

Ngày 15/7/2019, sau khi nhận được tin nhắn của ông D1 gọi vào công ty để bàn giao công việc, ông P. bàn giao lại công việc và chìa khóa công ty ở Chi nhánh Kiên Giang. Ngày 16/7/2019, bà T. vào công ty bàn giao công việc (có biên bản bàn giao). Bà H. yêu cầu ông bà làm đơn xin thôi việc mới đưa Quyết

định thôi việc để lãnh trợ cấp thất nghiệp nhưng ông bà không đồng ý. Đến ngày 26/7/2019, vẫn chưa thấy Công ty đưa quyết định thôi việc và giải quyết chế độ nên ông bà đã đến Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh An Giang nộp đơn khiếu nại để được hướng dẫn và giải quyết.

Ngày 02/8/2019, ông D1 điện thoại cho bà T. mắng chửi, đe dọa vì biết có ý định gửi đơn khởi kiện và hẹn 08 giờ ngày 05/8/2019 vào công ty thỏa thuận giải quyết chế độ. Kết quả thỏa thuận không thành vì ông bà đề nghị trả mỗi người 04 tháng lương nhưng ông D1 chỉ đồng ý trả mỗi người 02 tháng lương (gồm: 15 ngày lương làm việc thực tế + 45 ngày lương đuổi việc mà không báo trước); ông bà có ghi âm lại 02 cuộc nói chuyện này.

Ngày 06/8/2019, theo sự hướng dẫn của Thanh tra Sở Lao động-Thương binh và Xã hội tỉnh An Giang ông bà nộp đơn khiếu nại đến Công ty để được giải quyết khiếu nại lần đầu.

Ngày 20/8/2019, ông D1 hẹn ông bà vào công ty giải quyết theo đơn khiếu nại nhưng đến nơi ông D1 mở cuộc họp nội bộ công ty, tiến hành lập biên bản xử lý kỷ luật sa thải ông bà với lý do tự ý bỏ việc 5 ngày cộng dồn trong 01 tháng. Trong sự ngỡ ngàng và thất vọng ông bà bỏ về không ký tên vào biên bản.

Vì vậy, ông bà làm đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân thành phố L. giải quyết như sau:

- Buộc Công ty Đấu giá Hợp danh D. trả tiền lương chưa nhận từ ngày 01/7/2019 đến ngày 12/7/2019:

+ Ông Nguyễn Thành P.: (7.972.500 đồng/tháng : 22 ngày công) x 10 ngày = 3.623.000 đồng *(Ba triệu sáu trăm hai mươi ba nghìn đồng)*

+ Bà Lê Đoàn Thu T.: (6.672.500 đồng/tháng : 22 ngày công) x 10 ngày = 3.032.000 đồng *(Ba triệu không trăm ba mươi hai nghìn đồng)*

- Trợ cấp thôi việc (theo Điều 33 Nghị định 05/2015/NĐ-CP, theo khoản 2 Điều 42 Bộ luật Lao động 2012):

+ Ông Nguyễn Thành P.: (4.000.000 đồng/tháng x 03 tháng) x 60% = 7.200.000 đồng (*Bảy triệu hai trăm nghìn đồng*)

+ Bà Lê Đoàn Thu T.: (4.000.000 đồng/tháng x 03 tháng) x 60% = 7.200.000 đồng (*Bảy triệu hai trăm nghìn đồng*)

- Bồi thường 03 tháng tiền lương để chấm dứt Hợp đồng lao động (Theo Điều 33 Nghị định 05/2015/NĐ-CP, theo khoản 3 Điều 42 Bộ luật Lao động 2012):

+ Ông Nguyễn Thành P.: 7.972.500đồng/tháng x 03 tháng = 23.917.500 đồng (*Hai mươi ba triệu chín trăm mười bảy nghìn năm trăm đồng*)

+ Bà Lê Đoàn Thu T.: 6.672.500 đồng/tháng x 03 tháng = 20.017.500 đồng (*Hai mươi triệu không tăm mười bảy nghìn năm trăm đồng*)

- Bồi thường 45 ngày lương do không báo trước (Theo khoản 5 Điều 42 Bộ luật Lao động 2012):

+ Ông Nguyễn Thành P.: 7.972.500đồng/tháng x 1,5 tháng = 11.958.750 đồng (*Mười một triệu chín trăm năm mươi tám nghìn bảy trăm năm mươi đồng*)

+ Bà Lê Đoàn Thu T.: 6.672.500 đồng/tháng x 1,5 tháng = 10.008.750đồng (*Mười triệu không trăm lẻ tám nghìn bảy trăm năm mươi đồng*)

- Trả tiền lương + bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế trong những ngày không được làm việc (Tính từ ngày 15/7/2019 đến ngày 31/11/2019) cộng thêm 03 tháng tiền lương theo hợp đồng lao động (theo Điều 33 Nghị định 05/2015/NĐ-CP, theo khoản 1 Điều 42 Bộ luật Lao động 2012), gồm:

** Lương trong những ngày không được làm việc (chưa bao gồm bảo hiểm):*

+ Ông Nguyễn Thành P.: 7.500.000 đồng/tháng x 4,5 tháng = 33.750.000 đồng (*Ba mươi ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng*)

+ Bà Lê Đoàn Thu T.: 6.200.000 đồng/tháng x 4,5 tháng = 27.900.000 đồng (*Hai mươi bảy triệu chín trăm nghìn đồng*)

** Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế trong những ngày không được làm việc:*

+ Ông Nguyễn Thành P.: (4.000.000 đồng/tháng x 4,5 tháng) x 21,5% = 3.870.000 đồng (*Ba triệu tám trăm bảy mươi nghìn đồng*)

+ Bà Lê Đoàn Thu T.: (4.000.000 đồng/tháng x 4,5 tháng) x 21,5% = 3.870.000 đồng (*Ba triệu tám trăm bảy mươi nghìn đồng*).

** Cộng thêm 03 tháng tiền lương:*

+ Ông Nguyễn Thành P.: 7.972.500 đồng/tháng x 03 tháng = 23.917.500 đồng (*Hai mươi ba triệu chín trăm mười bảy nghìn năm trăm đồng*)

+ Bà Lê Đoàn Thu T.: 6.672.500 đồng/tháng x 03 tháng = 20.017.500 đồng (*Hai mươi triệu không trăm mười bảy nghìn năm trăm đồng*)

Tổng cộng số tiền của ông Nguyễn Thành P. là 108.236.750 đồng và số tiền của bà Lê Đoàn Thu T. là 92.045.750 đồng (*Chín mươi hai triệu không trăm bốn mươi lăm nghìn bảy trăm năm mươi đồng*). Số tiền này ông bà yêu cầu Công ty Đấu giá Hợp danh D. chi trả 01 lần cho ông bà.

****** *Bị đơn ông D1 – Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty Đấu giá Hợp danh D. trình bày:*

Công ty Đấu giá Hợp danh D. không đồng ý yêu cầu bồi thường của ông Nguyễn Thành P. và bà Lê Đoàn Thu T.. Công ty chỉ đồng ý trả ngày công thực tế ông P., bà T. đã làm mà chưa được trả cho đến ngày tự ý nghỉ việc. Tại phiên tòa, ông D1 có ý kiến để giải quyết đối với vụ án thì ông đồng ý hỗ trợ cho ông P., bà T. mỗi người là 25.000.000 đồng, tổng cộng là 50.000.000 đồng (*Năm*

mươi triệu đồng) nếu phía nguyên đơn đồng ý nhận thì số tiền mượn mua xe còn nợ ông 16.000.000 đồng thì ông cũng không yêu cầu ông P., bà T. phải trả lại.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội tỉnh An Giang có văn bản xin vắng mặt ngày 27/2/2020, thể hiện ý kiến:*

Giám đốc Bảo hiểm xã hội tỉnh An Giang xin vắng mặt tại tất cả các phiên họp kiểm tra việc giao nhận, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải, xét xử của Tòa án trong vụ án trên; đồng thời gửi kèm văn bản ý kiến đến Tòa án nhân dân thành phố L. xem xét, xử lý theo quy định.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông Phan Hòa N. là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông P., bà T. vẫn giữ yêu cầu khởi kiện, ông D1 là người đại diện theo pháp luật của bị đơn Công ty Đấu giá Hợp danh D. chỉ đồng ý trả lương những ngày ông P., bà T. đã làm việc theo quy định, hoặc ông đồng ý hỗ trợ cho ông P., bà T. mỗi người là 25.000.000 đồng, tổng cộng là 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) nếu phía nguyên đơn đồng ý nhận thì số tiền mượn mua xe còn nợ ông 16.000.000 đồng thì ông cũng không yêu cầu ông P., bà T. phải trả lại.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 06/2020/DS-ST ngày 09 tháng 9 năm 2020 của Toà án nhân dân thành phố L. tuyên xử:

[1] Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thành P., bà Lê Đoàn Thu T.:

- Công nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa Công ty Đấu giá Hợp danh D. và ông Nguyễn Thành P., bà Lê Đoàn Thu T. chấm dứt Hợp đồng lao động số 03/HĐLĐ-DTN ngày 02/01/2018 và hợp đồng lao động số 04/HĐLĐ-DNTN ngày 02/01/2018.

- Công ty Đấu giá Hợp danh D. có nghĩa vụ thanh toán cho ông Nguyễn Thành P. tiền lương, tiền trợ cấp thôi việc, bồi thường 02 tháng tiền lương để chấm dứt hợp đồng lao động là 37.373.000 đồng (*Ba mươi bảy triệu ba trăm bảy mươi ba nghìn đồng*). Trong đó: tiền lương chưa được nhận từ ngày 01/7/2019 đến ngày 12/7/2019 là 3.623.000 đồng, tiền lương những ngày không làm việc từ ngày 15/7/2019 đến ngày 30/11/2019 số tiền 20.250.000 đồng, tiền trợ cấp thôi việc 4.500.000 đồng và tiền lương bồi thường chấm dứt hợp đồng lao động 9.000.000 đồng.

- Công ty Đấu giá Hợp danh D. có nghĩa vụ thanh toán cho bà Lê Đoàn Thu T. tiền lương, tiền trợ cấp thôi việc, bồi thường 02 tháng tiền lương để chấm dứt hợp đồng lao động là 36.782.000 đồng (*Ba mươi sáu triệu bảy trăm tám mươi hai nghìn đồng*). Trong đó: tiền lương chưa được nhận từ ngày 01/7/2019 đến ngày 12/7/2019 là 3.032.000 đồng, tiền lương những ngày không làm việc từ ngày 15/7/2019 đến ngày 30/11/2019 số tiền 20.250.000 đồng, tiền trợ cấp thôi việc 4.500.000 đồng và tiền lương bồi thường chấm dứt hợp đồng lao động 9.000.000 đồng.

- Buộc Công ty Đấu giá Hợp danh D. phải đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho ông Nguyễn Thành P., bà Lê Đoàn Thu T. từ tháng 7/2019 đến ngày 30/11/2019, theo mức lương 4.500.000 đồng của Hợp đồng lao động số 03/HĐLĐ-DTN ngày 02/01/2018 đính kèm Phụ lục hợp đồng lao động số 24/PLHĐLĐ-DTN ngày 02/01/2019 và Hợp đồng lao động số 04/HĐLĐ-DNTN ngày 02/01/2018 đính kèm Phụ lục hợp đồng lao động số 25/PLHĐLĐ-DTN ngày 02/01/2019. Ông P., bà T. có nghĩa vụ phối hợp với Công ty Đấu giá Hợp danh D. để đóng các khoản bảo hiểm của người lao động theo quy định của pháp luật.

[2] Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thành P., bà Lê Đoàn Thu T. đối với các khoản sau: Trợ cấp thôi việc số tiền 5.200.000 đồng, tiền bồi thường 03 tháng lương để chấm dứt hợp đồng lao động 23.917.500 đồng, bà T. số tiền là 20.017.500 đồng; Bồi thường 45 ngày lương do không báo trước với ông P. là 11.958.750 đồng, bà T. số tiền là 10.008.750 đồng

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 11/9/2020 bị đơn Công ty Đấu giá Hợp danh D. do ông D1 là người đại diện theo pháp luật có đơn kháng cáo không đồng ý bồi thường và đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế cho ông P., bà T. như án sơ thẩm đã tuyên. Công ty chỉ chấp nhận trả tiền công cho ông P., bà T. đối với những ngày thực tế đã làm việc mà chưa nhận lương do công ty đã báo giảm lao động Nguyễn Thành P., Lê Đoàn Thu T. sau khi tự ý nghỉ việc và đã chốt sổ bảo hiểm vào tháng 8/2019.

Ngày 24/9/2020 nguyên đơn ông Nguyễn Thành P. và bà Lê Đoàn Thu T. có đơn kháng cáo một phần nội dung quyết định của bản án sơ thẩm do không chấp nhận mức lương thực nhận để làm căn cứ tính quyền lợi cho ông P., bà T..

Ngày 01/10/2020 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố L. có Quyết định kháng nghị số 42/QĐKNPT-VKS-DS đề nghị sửa Bản án lao động sơ thẩm số 06/2020/LĐ-ST ngày 09/9/2020 của Toà án nhân dân thành phố L. theo hướng: Tuyên bố việc sa thải của Công ty Đấu giá Hợp danh D. đối với ông Nguyễn Thành P., bà Lê Đoàn Thu T. là trái pháp luật. Buộc Công ty Đấu giá Hợp danh D. chi trả tiền lương, trợ cấp thôi việc, bồi thường 02 tháng tiền lương để chấm dứt hợp đồng lao động trên cơ sở căn cứ vào mức lương chính của người lao động là 4.500.000 đồng/tháng và các khoản phụ cấp hàng tháng khác như tiền điện thoại 1.452.500 đồng, hỗ trợ ăn trưa 720.000 đồng cho bà T., ông P. và hỗ trợ tiền nhà ở cho ông P. 1.300.000 đồng theo thỏa thuận trong hợp đồng lao động và các phụ lục hợp đồng có liên quan.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về nội dung tranh chấp, vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Ông Phan Hòa N. là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Đề nghị cấp phúc thẩm xem xét sửa án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, buộc Công ty Đấu giá Hợp danh D. chi trả tiền lương và

các khoản bồi thường theo như án sơ thẩm đã tuyên trên cơ sở mức lương thực nhận của nguyên đơn.

Ông D1 là người đại diện theo pháp luật của Công ty Đấu giá Hợp danh D. trình bày: Đồng ý việc công ty sa thải ông P., bà T. là sai. Tuy nhiên, vì ông Nguyễn Thành P., bà Lê Đoàn Thu T. đã tự ý bỏ việc nên công ty chỉ chấp nhận trả tiền công cho ông P., bà T. đối với những ngày thực tế đã làm việc mà chưa nhận lương; do công ty đã báo giảm lao động và đã chốt sổ bảo hiểm vào tháng 8/2019 nên công ty không đồng ý đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế cho ông P., bà T. đến hết tháng 11/2019.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội tỉnh An Giang có văn bản xin vắng mặt ngày 26/01/2021, thể hiện ý kiến: Bảo hiểm xã hội tỉnh An Giang xin vắng mặt tại các phiên xét xử đồng thời đề nghị Tòa án xem xét, xử lý theo quy định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham dự phiên tòa giữ nguyên Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố L..

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân thủ pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về việc giải quyết đối với bản án sơ thẩm bị kháng nghị: Công ty sa thải ông P., bà T. với lý do tự ý bỏ việc 05 ngày (từ ngày 15/7/2019 đến ngày 20/8/2019). Tuy nhiên, công ty không chứng minh được lỗi của ông P., bà T. và trình tự xử lý lao động chưa đảm bảo quy định của pháp luật. Do việc sa thải trái pháp luật nên công ty phải bồi thường thiệt hại. Tuy nhiên, án sơ thẩm không tuyên việc sa thải trái pháp luật là thiếu sót. Mặt khác, án sơ thẩm buộc công ty có nghĩa vụ thanh toán cho ông P., bà T. các khoản gồm tiền lương chưa nhận từ ngày 01/7/2019 đến ngày 12/7/2019, tiền lương những ngày không được làm việc từ ngày 15/7/2019 đến ngày 30/11/2019, tiền trợ cấp thôi việc và tiền bồi thường chấm dứt lao động nhưng lại căn cứ vào mức lương theo các hợp đồng lao động mà không căn cứ vào các phụ lục hợp đồng là không đúng, gây thiệt hại cho quyền lợi người lao động. Ngoài ra, tại phiên tòa sơ thẩm, ông P., bà T. không muốn tiếp tục làm việc, công ty cũng không muốn nhận lại và ông P., bà T. cũng đồng ý. Căn cứ quy định tại Điều 42 Bộ luật lao động thì hai bên phải thỏa thuận khoản tiền bồi thường thêm nhưng ít nhất phải bằng 02 tháng tiền lương theo hợp đồng để chấm dứt hợp đồng lao động. Nhưng án sơ thẩm không buộc công ty bồi thường thêm cho ông P., bà T. là có thiếu sót, không đúng quy định của pháp luật.

Từ những nhận định và phân tích nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm Tòa án nhân dân tỉnh An Giang:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, khoản 1 Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015: Chấp nhận Kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân thành

phố L.; Chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Thành P. và bà Lê Đoàn Thu T.; Không chấp nhận kháng cáo của Công ty Đấu giá Hợp danh D.. Sửa bản án sơ thẩm: Tuyên bố các quyết định sa thải của Công ty Đấu giá Hợp danh D. đối với ông Nguyễn Thành P., bà Lê Đoàn Thu T. là trái pháp luật. Buộc Công ty Đấu giá Hợp danh D. chi trả cho ông P., bà T. các khoản tiền: tiền lương chưa nhận từ ngày 01/7/2019 đến ngày 12/7/2019, tiền lương những ngày không được làm việc từ ngày 15/7/2019 đến ngày 30/11/2019, tiền trợ cấp thôi việc và tiền bồi thường thêm khi chấm dứt lao động trên cơ sở mức lương chính và các khoản phụ cấp đối với ông P. là 7.972.500 đồng, bà T. là 6.672.500 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Các đương sự kháng cáo trong hạn luật định; bị đơn Công ty Đấu giá Hợp danh D. có đóng tạm ứng án phí đầy đủ và nguyên đơn ông Nguyễn Thành P., bà Lê Đoàn Thu T. thuộc trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng án phí nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Viện Trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố L. có Quyết định kháng nghị số 42/QĐKNPT-VKS-DS ngày 01 tháng 10 năm 2020 là trong hạn luật định, nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội tỉnh An Giang có công văn yêu cầu vắng mặt không tham gia tất cả các phiên tòa xét xử của Tòa án. Căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của các đương sự và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố L.:

[2.1] Về tính hợp pháp của quyết định xử lý kỷ luật lao động: Công ty Đấu giá Hợp danh D. áp dụng hình thức kỷ luật sa thải để chấm dứt hợp đồng lao động đối với ông P., bà T. nhưng việc tổ chức phiên họp để tiến hành xử lý kỷ luật lao động chưa đúng theo nguyên tắc, trình tự xử lý kỷ luật lao động quy định tại Điều 123, Điều 126 Bộ luật Lao động là chưa đúng thủ tục pháp luật. Bởi vì, công ty chưa gửi các văn bản, thư mời thông báo cho người lao động biết được nội dung cuộc họp, việc xử lý kỷ luật để ông P., bà T. có thể trình bày ý kiến hoặc nhờ người bào chữa để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình do công ty áp dụng hình thức xử lý kỷ luật sa thải với nguyên nhân người lao động tự ý bỏ việc 05 ngày cộng dồn trong 01 tháng. Như vậy, việc xử lý kỷ luật sa thải của Công ty Đấu giá Hợp danh D. đối với ông Nguyễn Thành P., bà Lê Đoàn Thu T. là trái pháp luật; cấp sơ thẩm chấp nhận giải quyết về tranh chấp, buộc bị đơn phải bồi thường cho nguyên đơn nhưng không tuyên việc sa thải của bị đơn đối với nguyên đơn trái pháp luật là có thiếu sót như Viện kiểm sát đã kháng nghị.

[2.2] Về thời gian không được làm việc: Ông P., bà T. yêu cầu tính kể từ ngày ông bà nghỉ việc ngày 5/7/2019 đến ngày 30/11/2019 (thời điểm ông, bà nộp đơn khởi kiện bổ sung theo yêu cầu của Tòa án cấp sơ thẩm) là phù hợp với quy định của pháp luật. Cấp sơ thẩm xác định 04 tháng 15 ngày là chính xác, cấp phúc thẩm không xem xét.

[2.3] Về mức lương làm căn cứ để tính bồi thường:

Theo quy định tại Điều 90 của Bộ luật Lao động thì tiền lương bao gồm mức lương theo công việc hoặc chức danh, phụ cấp lương và các khoản bổ sung khác. Theo Điều 21 Nghị định số 05/2015/NĐ-CP ngày 12/01/2015 của Chính phủ hướng dẫn về tiền lương tại Điều 90 của Bộ luật Lao động thì:

1. Tiền lương ghi trong hợp đồng lao động do người lao động thỏa thuận với người sử dụng lao động để thực hiện công việc nhất định, bao gồm:

a) Mức lương theo công việc hoặc chức danh là mức lương trong thang lương, bảng lương do người sử dụng lao động xây dựng theo quy định tại Điều 93 của Bộ luật Lao động. Mức lương đối với công việc giản đơn nhất trong điều kiện lao động và thời giờ làm việc bình thường (không bao gồm khoản tiền trả thêm khi người lao động làm thêm giờ, làm việc vào ban đêm) không được thấp hơn mức lương tối thiểu vùng do Chính phủ quy định;

b) Phụ cấp lương là khoản tiền bù đắp các yếu tố về điều kiện lao động, tính chất phức tạp của công việc, điều kiện sinh hoạt, mức độ thu hút lao động chưa được tính đến hoặc tính chưa đầy đủ trong mức lương theo công việc hoặc chức danh;

c) Các khoản bổ sung khác là khoản tiền bổ sung ngoài mức lương, phụ cấp lương và có liên quan đến thực hiện công việc hoặc chức danh trong hợp đồng lao động, trừ tiền thưởng, tiền ăn giữa ca, các khoản hỗ trợ, trợ cấp của người sử dụng lao động không liên quan đến thực hiện công việc hoặc chức danh trong hợp đồng lao động.

Như vậy, tiền lương của người lao động bao gồm các khoản tiền lương chính (lương cơ bản), các khoản phụ cấp và các khoản bổ sung. Cấp sơ thẩm chỉ căn cứ vào mức lương chính của người lao động mà không chấp nhận các khoản phụ cấp hỗ trợ hàng tháng như tiền điện thoại, tiền ăn và tiền nhà ở là chưa đúng quy định tại là chưa đúng quy định, làm ảnh hưởng đến lợi ích của người lao động cần phải điều chỉnh theo như kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố L..

Theo hợp đồng lao động và các phụ lục hợp đồng được ký kết giữa ông P., bà T. với Công ty Đấu giá Hợp danh D. thì mức lương của:

- Ông P. gồm: Lương chính: 4.500.000 đồng/tháng. Phụ cấp gồm: Tiền ăn 720.000 đồng; tiền nhà ở 1.300.000 đồng, tiền điện thoại 1.452.500 đồng. Tổng cộng 7.972.500 đồng/tháng.

- Bà T. gồm: Lương chính: 4.500.000 đồng/tháng. Phụ cấp gồm: Tiền ăn 720.000 đồng; tiền điện thoại 1.452.500 đồng. Tổng cộng 6.672.500 đồng.

[2.4] Về yêu cầu của ông P., bà T. yêu cầu công ty thanh toán các khoản do sa thải trái pháp luật:

Tại phiên tòa sơ thẩm, Công ty Đấu giá Hợp danh D. không muốn nhận lại người lao động và vợ chồng ông P., bà T. cũng đồng ý, không muốn tiếp tục làm việc. Hai bên đương sự đã thỏa thuận chấm dứt các hợp đồng lao động số 03/HĐLĐ-DTN ngày 02/01/2018, số 04/HĐLĐ-DTN ngày 02/01/2018 và các phụ lục hợp đồng đã ký nên cấp sơ thẩm đã công nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự về việc chấm dứt hợp đồng lao động là có cơ sở phù hợp khoản 3 Điều 42 Bộ luật Lao động năm 2012 quy định *"Trường hợp người sử dụng lao động không muốn nhận lại người lao động và người lao động đồng ý, thì ngoài khoản tiền bồi thường quy định tại khoản 1 Điều này và trợ cấp thôi việc theo quy định tại Điều 48 của Bộ luật này, hai bên thỏa thuận khoản tiền bồi thường thêm nhưng ít nhất phải bằng 02 tháng tiền lương theo hợp đồng lao động để chấm dứt hợp đồng lao động"* Như vậy, căn cứ theo khoản 3 Điều 42 thì ngoài khoản bồi thường quy định tại khoản 1 Điều 42 gồm tiền lương những ngày không được làm việc từ ngày 15/7/2019 đến ngày 30/11/2019 với 02 tháng tiền lương và trợ cấp thôi việc thì công ty còn phải bồi thường thêm cho ông P., bà T. mỗi người được nhận 02 tháng tiền lương để chấm dứt hợp đồng lao động.

Do đó, để đảm bảo quyền lợi của người lao động, cần phải tính lại như sau:

[2.4.1] Ông Nguyễn Thành P. được nhận

- Tiền lương chưa nhận từ ngày 01/7/2019 đến ngày 12/7/2019 là 3.623.000 đồng(1)

- Tiền lương những ngày không được làm việc từ ngày 15/7/2019 đến ngày 30/11/2019 là: 4,5 tháng x 7.972.500 đồng = 35.876.250 đồng(2)

- Trợ cấp thôi việc: 7.972.500 đồng(3)

- Bồi thường 04 tháng tiền lương: 31.890.000 đồng(4)

Tổng cộng: (1) + (2) + (3) + (4) = 79.361.750 đồng.

[2.4.2] Bà Lê Đoàn Thu T. được nhận

- Tiền lương chưa nhận từ ngày 01/7/2019 đến ngày 12/7/2019 là 3.032.000 đồng(5)

- Tiền lương những ngày không được làm việc từ ngày 15/7/2019 đến ngày 30/11/2019 là: 4,5 tháng x 6.672.500 đồng = 30.026.250 đồng(6)

- Trợ cấp thôi việc: 6.672.500 đồng(7)

- Bồi thường 04 tháng tiền lương: 26.690.000 đồng(8)

Tổng cộng: (5) + (6) + (7) + (8) = 66.420.750 đồng.

[2.5] Đối với yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu bồi thường 45 ngày lương do không báo trước theo khoản 5 Điều 42 Bộ Luật lao động: Do ông P., bà T. bị công ty sa thải trái pháp luật và đồng ý không trở lại công ty để làm việc nên đối

với việc yêu cầu này là không có cơ sở để chấp nhận.

[2.6] Đối với yêu cầu của bị đơn về việc không đồng ý đóng các khoản bảo hiểm cho ông P., bà T. đến hết tháng 11/2019, Hội đồng xét xử xét thấy: Nguyên đơn là người lao động làm việc theo hợp đồng lao động, là đối tượng tham gia bảo hiểm bắt buộc (điểm a khoản 1 Điều 2 Luật Bảo hiểm xã hội). Do bị đơn đã sa thải nguyên đơn trái pháp luật nên bị đơn phải có nghĩa vụ đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế cho ông P., bà T. đến hết tháng 11/2019 theo quy định của pháp luật.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố L. và kháng cáo của nguyên đơn; không chấp nhận kháng cáo của bị đơn. Sửa bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí

[3.1] Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông P., bà T. không phải nộp tiền án phí theo điểm a khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

- Công ty Đấu giá Hợp danh D. bị buộc phải bồi thường cho ông Nguyễn Thành P., bà Lê Đoàn Thu T. nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[3.2] Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên Công ty Đấu giá Hợp danh D. phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015

Chấp nhận chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố L. và kháng cáo của nguyên đơn; không chấp nhận kháng cáo của bị đơn.

Sửa Bản án sơ thẩm số 06/2020/LĐ-ST ngày 09/9/2020 của Toà án nhân dân thành phố L., tỉnh An Giang.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 22, Điều 36, Điều 42, khoản 3 Điều 125, Điều 126, khoản 2 Điều 200, Điều 202 Bộ luật Lao động; Điều 144, Điều 147, Điều 148, Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 30 Nghị định số 05/2015/NĐ-CP ngày 12/01/2015 của Chính Phủ; Điều 12 của Nghị định số 148/2018/NĐ-CP ngày 24/10/2018 của Chính Phủ; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thành P., bà Lê Đoàn Thu T.:

Tuyên bố Quyết định xử lý kỷ luật người lao động số 01/QĐ-DTN ngày 22/8/2019 của Công ty Đấu giá Hợp danh D. về việc sa thải bà Lê Đoàn Thu T. và Quyết định xử lý kỷ luật người lao động số 02/QĐ-DTN ngày 22/8/2019 của Công ty Đấu giá Hợp danh D. về việc sa thải ông Nguyễn Thành P. là trái pháp luật.

Buộc Công ty Đấu giá Hợp danh D. có nghĩa vụ thanh toán cho ông Nguyễn Thành P. số tiền 79.361.750 đồng (Bảy mươi chín triệu ba trăm mười sáu mươi ngàn bảy trăm năm mươi đồng) và bà Lê Đoàn Thu T. số tiền 66.420.750 đồng (Sáu mươi sáu triệu bốn trăm hai mươi ngàn bảy trăm năm mươi đồng).

Buộc Công ty Đấu giá Hợp danh D. và ông Nguyễn Thành P. phải có trách nhiệm đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho ông P. theo quy định pháp luật, từ tháng 7/2019 đến ngày 30/11/2019, theo mức lương 4.500.000 đồng.

Buộc Công ty Đấu giá Hợp danh D. và bà Lê Đoàn Thu T. phải có trách nhiệm đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho bà T. theo quy định pháp luật, từ tháng 7/2019 đến ngày 30/11/2019, theo mức lương 4.500.000 đồng.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không thi hành khoản tiền nêu trên, thì hàng tháng còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thành P., bà Lê Đoàn Thu T. đối với khoản bồi thường 45 ngày lương do không báo trước với ông P. là 11.958.750 đồng, bà T. số tiền là 10.008.750 đồng.

3. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Thành P., bà Lê Đoàn Thu T. không phải nộp tiền án phí theo điểm a khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Công ty Đấu giá Hợp danh D. phải chịu án dân sự sơ thẩm là 4.373.000 đồng (Bốn triệu ba trăm bảy mươi ba ngàn đồng).

- Án phí dân sự phúc thẩm: Công ty Đấu giá Hợp danh D. phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005152 ngày 22/9/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L..

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyên

thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và Điều 9 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện theo qui định tại Điều 30 luật thi hành dân sự".

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- VKSND tỉnh An Giang;
- TAND huyện;
- THADS huyện;
- Phòng KTNV & THA;
- Văn phòng TAND tỉnh;
- Đương sự "Để thi hành";
- Lưu: HS; TDS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thúy Hồng